

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH AN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 489/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 29-12-2020

V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH - TỈNH AN GIANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc Giao

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Phạm Thị Kim Thảo

2. Bà Mai Thị Thu Hà

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Anh Đào - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

Ngày 29 tháng 12 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 333/2020/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 10 năm 2020 về tranh chấp “Ly hôn, tranh chấp về nuôi con” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 242/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 11 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 201/2020/QĐST-HNGĐ ngày 10 tháng 12 năm 2020 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Đặng Kim C, sinh năm: 1988; Địa chỉ: Tổ 11, ấp H, xã B, huyện C, tỉnh An Giang (có mặt).

2. *Bị đơn:* Nguyễn Thanh H, sinh năm: 1980; Địa chỉ: Tổ 11, ấp H, xã B, huyện C, tỉnh An Giang; Chỗ ở hiện nay: Số nhà 305, ấp A, xã L, huyện M, tỉnh An Giang (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong quá trình tố tụng, nguyên đơn chị Đặng Kim C trình bày:

- Về hôn nhân: Chị C và anh H kết hôn vào năm 2007, có đăng ký kết hôn vào ngày 10/9/2007 tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh An Giang. Sau khi cưới nhau, anh chị đi làm ruộng ở huyện T, đến năm 2008 anh chị cất nhà sinh sống tại tổ 11, ấp H, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Vợ chồng chung sống hạnh phúc hơn 10 năm, đến đầu năm 2020 thì phát sinh mâu thuẫn do anh H thường xuyên chửi mắng vợ con vô cớ và bỏ nhà đi. Vào tháng 5/2020, chị C đã khởi kiện ly hôn nhưng qua hòa giải anh H hứa sẽ không bỏ nhà đi, chị C muốn tạo cơ hội

cho vợ chồng hàn gắn tình cảm, chị đã rút đơn khởi kiện. Tuy nhiên, đến khoảng tháng 7/2020, anh H bỏ về nhà cha mẹ ruột tại huyện M, chị nhiều lần điện thoại nhưng anh H không chịu về nhà, gia đình anh H còn mắng chửi chị. Từ đó vợ chồng không còn gặp nhau và tình cảm của chị đối với anh H không còn, cuộc sống hôn nhân của chị và anh H không còn hạnh phúc nên chị C yêu cầu ly hôn với anh H.

- Về con chung: Anh chị có 03 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/01/2008, Nguyễn Minh N, sinh ngày 30/5/2011 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 06/3/2013. Chị C yêu cầu được nuôi con, không yêu cầu anh H cấp dưỡng.

- Về tài sản chung và nợ chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

* Tòa án nhiều lần triệu tập anh Nguyễn Thanh H nhưng anh H đều vắng mặt không có lý do và không cung cấp ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của chị C.

* Tại phiên tòa:

- Nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn, yêu cầu được nuôi con chung.

- Bị đơn vắng mặt, không có ý kiến trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

1.1 Quan hệ tranh chấp: Tranh chấp giữa chị Đặng Kim C và anh Nguyễn Thanh H là tranh chấp về ly hôn, tranh chấp về nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật Tố tụng dân sự.

1.2 Thẩm quyền giải quyết: Anh Nguyễn Thanh H có đăng ký hộ khẩu thường trú tại, ấp H, xã B, huyện C, tỉnh An Giang. Theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự thì vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

1.3 Về sự có mặt của đương sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã triệu tập hợp lệ bị đơn đến Tòa án để tham gia phiên tòa xét xử vụ án nhưng bị đơn vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Căn cứ vào khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị đơn.

[2] Về nội dung tranh chấp:

2.1 Về hôn nhân: Chị Đặng Kim C và anh Nguyễn Thanh H có làm thủ tục đăng ký kết hôn theo quy định tại Điều 9 của Luật Hôn nhân và gia đình và được Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh An Giang cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyền số 01 ngày 10/9/2007. Như vậy, hôn nhân của anh chị là hôn nhân hợp pháp và được pháp luật bảo vệ khi xảy ra tranh chấp. Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần mở phiên hòa giải nhằm tạo điều kiện để chị C và anh H

được đoàn tụ, nhưng chị C cương quyết ly hôn, anh H đã nhận được các thông báo, quyết định của Tòa án nhưng không đến Tòa án và cũng không có ý kiến trình bày đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, như vậy anh H không có mong muốn được hòa giải hàn gắn tình cảm vợ chồng với chị C. Ngoài ra, vào tháng 5/2020, chị C đã khởi kiện ly hôn với anh H và đã tự nguyện rút lại đơn khởi kiện để vợ chồng hàn gắn tình cảm với nhau, tuy nhiên đến thời điểm hiện nay anh chị không có biện pháp hàn gắn tình cảm vợ chồng, cả hai không còn quan tâm đến nhau. Như vậy hôn nhân của anh chị đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được, nên theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị Đặng Kim C.

2.2 Về con chung: Chị C và anh H có 03 con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/01/2008, Nguyễn Minh N, sinh ngày 30/5/2011 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 06/3/2013. Hội đồng xét xử nhận thấy, các cháu T, N và K có trình bày nguyện vọng được tiếp tục chung sống với chị C, chị C đồng ý nuôi con, anh H không có ý kiến trình bày nguyện vọng nuôi con. Do đó Hội đồng xét xử giao các cháu T, N, K cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng.

Về cấp dưỡng nuôi con: Trong vụ án này, chị C không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Chị C và gia đình phải tạo điều kiện cho anh H trong việc thực hiện nghĩa vụ, quyền của cha mẹ đối với con chung theo quy định tại Điều 82, Điều 83 của Luật Hôn nhân và gia đình.

Việc nuôi con có thể bị thay đổi theo quy định tại Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình.

2.3 Về tài sản chung và nợ chung: Chị C không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí sơ thẩm: Chị C là nguyên đơn nên phải chịu 300.000đ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định tại khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự và điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

[4] Quyền kháng cáo: Các đương sự được quyền kháng cáo theo quy định tại khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Khoản 1 Điều 9, các Điều 56, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội khóa 14.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Đặng Kim C. Chị Đặng Kim C được ly hôn với anh Nguyễn Thanh H. Giấy chứng nhận kết hôn số 24, quyền số 01 ngày 10/9/2007 của Ủy ban nhân dân xã M, huyện T, tỉnh An Giang không còn giá trị pháp lý.

2. Về con chung: Chị Đặng Kim C được tiếp tục nuôi ba con chung tên Nguyễn Anh T, sinh ngày 05/01/2008, Nguyễn Minh N, sinh ngày 30/5/2011 và Nguyễn Hoàng K, sinh ngày 06/3/2013. Anh H không phải cấp dưỡng nuôi con do chị C không yêu cầu.

Cha mẹ trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Việc nuôi con có thể bị thay đổi dựa trên cơ sở lợi ích của con.

3. Về án phí sơ thẩm: Chị Đặng Kim C phải chịu 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm được khấu trừ vào 300.000đ (ba trăm ngàn đồng) tạm ứng án phí đã nộp tại biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0007175 ngày 07/10/2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh An Giang.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

5. Quyền kháng cáo: Chị Đặng Kim C được quyền kháng cáo trong hạn 15 kể từ ngày tuyên án (ngày 29/12/2020). Anh Nguyễn Thanh H được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh An Giang;
- Phòng kiểm tra nghiệp vụ và thi hành án - Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Cơ quan thực hiện việc đăng ký kết hôn;
- Lưu hồ sơ;
- Lưu văn phòng.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

(Đã ký)

Nguyễn Ngọc Giao